

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-05-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lò Văn Dân.

Hội Thẩm Nhân Dân: Bà Bùi Thị Diệu; ông Phạm Trung K.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà: ông Lê Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/04/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Phương T, sinh năm 2004; Cư trú: xóm X, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm 2001. Cư trú: xóm X, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Phương T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau ngày 24/10/2022 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên cuộc sống hàng ngày rất căng thẳng, mệt mỏi nên anh, chị đã ly thân từ tháng 03/2023 cho đến nay. Dù chị và gia đình đã hết lời khuyên can nhưng anh T không thay đổi. Nay chị không còn tình cảm và hy vọng vào cuộc hôn nhân với anh T nên chị xin ly hôn để giải phóng cho cả hai và ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là cháu Trần Chí K, sinh ngày 26/03/2023. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Cháu K cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Vì hiện Cháu K còn nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ; anh T không có công ăn việc làm ổn định nên nay đây mai đó. Chị T chưa yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị do anh T chưa có điều kiện kinh tế và hiện nhu cầu của cháu chưa lớn nên chị T hoàn toàn có thể đáp ứng được đầy đủ. Chị T sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi anh T có đủ khả năng và nhu cầu của con thật sự cần thiết.

3. Về tài sản; Công nợ chung: chị T khai không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

Về phía Anh Trần Văn T: Sau khi thụ lý, Toà án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nhưng không có kết quả, anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Toà án.

**** Tại biên bản xác minh ngày ngày 16/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Bùi Phương T và anh Trần Văn T có nội dung:***

Anh Trần Văn T và Chị Bùi Phương T kết hôn ngày 10/03/2021, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không có, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ là rất khó và đã sống ly thân.

Về con chung: Anh T và Chị T có 01 con chung là cháu Trần Chí K, sinh ngày 26/03/2023. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị T tại xóm X, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Về sự có mặt/vắng mặt của Anh Trần Văn T tại nơi cư trú: Anh Trần Văn T đi làm ăn xa thi thoảng về và hiện tại vắng mặt tại nơi cư trú, không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa Chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T.

- Về con chung: Anh T, chị T có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét yêu cầu của chị T là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn”. Bị đơn là Anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm Xê, xã Ngọc Lâu, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án T hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng Dân sự. T hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. T hành hoà giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thoả thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Chị T và anh T đã được Toà án triệu tập họp lệ đến phiên toà, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là Anh Trần Văn T đã được triệu tập họp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX T hành xét xử vắng mặt anh T và Chị T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống Chị T và anh T không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hoà. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh T và Chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung, cấp dưỡng*: chị T và anh T có 01 con chung là cháu Trần Chí K, sinh ngày 26/03/2023. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác và chị T chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình xác minh tại địa phương tại nơi cư trú của anh T, chị T (xóm X, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình) cho thấy: Tại biên bản xác minh anh T, chị T có mâu thuẫn gia đình và anh T đã bỏ đi để sống ly thân với chị T. Xét về yếu tố nuôi con chị T có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự thấy cần giao Cháu K cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp các Điều 58; 81 Luật HN&GD năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị T chưa yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với chị. Chị T sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi anh T có đủ điều kiện và nhu cầu của con thật sự cần thiết. Xét điều kiện thực tế của các bên đương sự; Căn cứ các Điều 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014 HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Bùi Phương T được ly hôn anh Trần Văn T;
2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Chí K, sinh ngày 26/03/2023 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 04/2024 trở đi cho đến khi Cháu K đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị T chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản; Công nợ chung*: Không có và không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002214 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị T không phải nộp án phí nữa.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lò Văn Dân